

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HS-ST
Ngày: 18-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Đoan

Bà Đặng Thị Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2021/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HS ngày 07/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Quốc D, sinh năm 2000 tại Bình Phước; HKTT: Ấp 8, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Nơi tạm trú: Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thanh H và bà Nguyễn Thị Mỹ D. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/5/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tấn Đ (Tên gọi khác: Chó Đ), sinh năm 1995 tại Bình Phước; HKTT: Ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Nơi tạm trú: Ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh T (đã chết) và bà Vũ Thị Thúy D, bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/5/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

1. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

2. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990. Vắng mặt
Địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988. Vắng mặt
Trú tại: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.
2. Anh Đoàn Nguyễn T, sinh năm 1995. Vắng mặt
Trú tại: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Đầu tháng 9/2020, Phạm Quốc D cầm cố xe mô tô Vision của D tại tiệm game bắn cá (không xác định tên tiệm) tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để lấy tiền tiêu xài.

Ngày 21/9/2020, D đang ở nhà anh Nguyễn Xuân H tại ấp 3, xã M, huyện C thì Nguyễn Tuấn A điều khiển xe mô tô biển số 93P2-467.00 đến nhà H chơi. Lúc này, D muốn lấy thêm tiền cầm cố xe Vision của D trước đó, nên D nói với H: “Anh mượn dùm em chiếc xe để em đi lấy đồ”, nghe vậy H đồng ý và trả lời: “Ừ”. Sau đó, H nói với Tuấn A: “Cho thằng em mượn xe đi lấy đồ” thì Tuấn A giao xe mô tô cho D mượn. Sau đó D một mình điều khiển xe mô tô đến tiệm game bắn cá thuộc xã Đ, huyện Đ. Khi đến nơi, do được chủ tiệm thông báo xe Vision đã bị bán nên D đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe 93P2-467.00 để lấy tiền tiêu xài cá nhân. D điều khiển xe mô tô đến tiệm game bắn cá “PLT” tại phường T, thành phố Đ cầm xe mô tô biển số 93P2-467.00 cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 4.000.000đ. Sau khi có tiền, D bỏ số điện thoại đang sử dụng rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 02/6/2021, anh H và anh Tuấn A đã đến Công an xã M, huyện C báo về hành vi chiếm đoạt xe mô tô trên của D.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 43/KL- HĐĐGTTTHS ngày 07/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 93P2-467.00 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 15.600.000đ.

Vụ thứ hai:

Sáng ngày 20/5/2021, Phạm Quốc D đến nhà anh Nguyễn Văn Q tại tổ 2, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước chơi. Tại đây, khi cả hai đang nói chuyện trên thềm nhà thì anh Q đi ra góc sân mở yên xe Dream đang dựng sẵn để lấy chìa khóa mở cửa đi vào nhà. Sau khi anh Q mở cửa, D nhìn vào thì thấy dưới bếp đang dựng 01 chiếc xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 93C1 – 079.60 của ông Bùi Văn S gửi ở nhà anh Q.

Đến khoảng 8 giờ ngày 23/5/2021, khi gặp Nguyễn Tấn Đ thì Đ rủ Đ đến nhà anh Q trộm xe mô tô Air Blade thì Đ đồng ý. Sau đó Đ mượn xe mô tô biển kiểm soát 86F7 – 5351 của anh Vương Minh L đưa cho Đ điều khiển chở Đ đến nhà anh Q. Đ điều khiển xe mô tô chạy vào trong sân nhà anh Q rồi dừng lại, ngồi trên xe cảnh giới, còn Đ đi đến vị trí xe mô tô Dream dựng ở góc sân, mở yên xe lấy chìa khóa mở cửa phụ đi vào nhà. Đ đi đến vị trí xe mô tô Air Blade, mở yên xe thì thấy 01 ví da màu nâu nên Đ cầm ví da bỏ vào túi rồi đi ra ngoài, khóa cửa, để chìa khóa nhà lại chỗ cũ. Lúc này, Đ nhìn thấy trên hàng rào gần đó có 01 chìa khóa hiệu Honda nên lấy bỏ vào túi quần và lên xe để Đ điều khiển chạy về nhà Đ. Trên đường về, Đ dừng xe bên lề đường rồi cả hai kiểm tra ví nhưng trong ví không có tiền, mà chỉ có Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 93C1 – 079.60, giấy phép lái xe, chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn S nên Đ vứt giấy tờ xuống ven đường. Lúc này, do đang cầm chìa khóa xe Honda lấy được ở hàng rào nhà anh Q trước đó nên Đ nói với Đ: “Xíu nữa tao và mày xuống thử xem phải chìa khóa xe Air Blade không”, Đ đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 93T8 - 1716 mới mượn được của anh Hồ Tấn Th chở Đ đến đường đất trước nhà anh Q. Khi đến nơi, Đ xuống xe đi vào nhà, còn Đ chạy xe về trả cho Th. Đ lấy chìa khóa ở dưới yên xe Dream để mở cửa vào trong nhà, sau đó Đ cắm chìa khóa hiệu Honda vào ổ khóa điện của xe mô tô biển số 93C1 – 079.60 thì mở được. Sau đó, Đ điều khiển xe đến cửa hàng cầm đồ “MT” tại ấp 1, xã M, huyện C do anh Nguyễn Phúc T làm chủ cầm với số tiền 10.000.000đ. Sau khi có tiền, Đ thuê taxi về xã T, huyện H đón bạn gái Hoa Thị Huyền Tr và Đ đi thị xã B chơi. Tại đây, Đ mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus giá 1.500.000đ, cho Đ 3.000.000đ, số tiền còn lại Đ mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 25/5/2021, do hết tiền, Đ đưa lại cho Đ 500.000đ, Đ mượn T (không xác định được nhân thân) số tiền 10.000.000đ để đi chuộc xe. Sau khi chuộc xe, Đ điều khiển xe mô tô biển số 93C1 – 079.60 cùng T đến tiệm cầm đồ “H H” tại số 809 đường P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước do anh Đoàn Nguyễn T làm chủ cầm xe mô tô trên để lấy 15.000.000đ, Đ trả lại T 10.000.000đ, còn lại 5.000.000đ Đ tiếp tục mua ma túy sử dụng. Đến ngày 26/5/2021, Đ biết anh Nguyễn Ngọc Th (con ruột anh Q) phát hiện ra mình đã chiếm đoạt tài sản trong nhà anh Q nên đến Công an xã T để đầu thú.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTTTHS ngày 27/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Giá trị còn lại của 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Air Blade, biển số 93C1 – 079.60 tại thời điểm bị chiếm đoạt và định giá là 18.200.000đ.

Giá trị còn lại của 01 cái ví da, màu nâu, mặt ngoài in chữ ARMANI, mặt trong in chữ COLLECTION 100% LEATHER tại thời điểm định giá: Không đủ cơ sở để xác định giá.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước truy tố:

Phạm Quốc D về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nguyễn Tấn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Phạm Quốc D mức án 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tổng hợp hai tội là từ 24 đến 30 tháng tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ mức án 09 tháng đến 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Quốc D và Nguyễn Tấn Đ khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp kết luận định giá tài sản, biên bản hiện trường, vật chứng vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác được thẩm tra tại phiên. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 21/9/2020, Phạm Quốc D mượn xe mô tô biển số 93P2 – 467.00 của anh Nguyễn Tuấn A, sau đó bị cáo nảy sinh ý định rồi mang đi cầm cố lấy số tiền tiêu xài. Ngày 23/5/2021, Phạm Quốc D rủ bị cáo Nguyễn Tấn Đ lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 93C1- 079.60 của anh Bùi Văn S đang gửi tại nhà anh Nguyễn Văn Q, rồi mang đi cầm cố.

[3] Hành vi, của bị cáo Phạm Quốc D vào ngày 21/9/2020, sau khi mượn chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Tuấn A thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh A mang

đi cầm cố. Theo kết quả định giá, chiếc xe của anh A có giá trị 15.600.000đ. Hành vi này của bị cáo Phạm Quốc D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo Phạm Quốc D và Nguyễn Tấn Đ vào ngày 23/5/2021, lén lút chiếm đoạt tài sản tài sản là 01 xe mô tô của ông Bùi Văn S có giá trị 18.200.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng để có tiền một cách nhanh chóng, các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mà mình đã gây ra.

[5] Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn nhưng cũng phân tích vai trò của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

Bị cáo D là người khởi xướng, thực hành tích cực, trực tiếp vào lấy xe mang đi cầm cố, là người giữ vai trò chính nên cần xử phạt bị cáo D mức hình phạt cao hơn bị cáo Đ.

Còn bị cáo Đ đứng cảnh giới cho bị cáo D chiếm đoạt xe, là người giúp sức tích cực nên cũng cần thiết xử phạt bị cáo mức hình phạt tương ứng để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Đối với hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của bị cáo Phạm Quốc D, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng. Đối với hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo Đ sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Đối với anh Đoàn Nguyễn T chủ tiệm cầm đồ H H có nhận cầm cố xe mô tô biển số 93C1 – 079.60 do bị cáo D mang đến, nhưng anh T không biết xe mô tô này là do D phạm tội mà có, khi biết được xe mô tô trên do D cùng đồng bọn trộm cắp thì anh T đã giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra là phù hợp pháp luật.

[8] Đối với người đàn ông (Không rõ nhân thân lai lịch) đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 93P2-467.00 tại tiệm game bắn cá “P L T” phường T, thành phố Đ: Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch nên không xử lý là có căn cứ.

[9] Bồi thường dân sự:

Người bị hại Bùi Văn S đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô biển số 93C1 – 079.60, 01 ví da không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người bị hại Nguyễn Tuấn A đã nhận số tiền 15.000.000đ do anh Nguyễn Xuân H đứng ra bồi thường, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Nguyễn T đã giao nộp lại xe mô tô biển số 93C1 – 079.60 do bị cáo cầm cố cho cơ quan điều tra và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 15.000.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo D đồng ý bồi thường số tiền 10.000.000đ, bị cáo Đ đồng ý bồi thường cho anh T số tiền 5.000.000đ. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần ghi nhận.

Anh Nguyễn Xuân H đã đứng ra bồi thường cho người bị hại A số tiền 15.000.000đ và yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả lại cho anh H số tiền 15.000.000đ. Bị cáo D đồng ý trả cho anh H số tiền này nên cần ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô biển số 93C1 – 079.60, nhãn hiệu: Honda, loại xe: Air Blade, màu: Đen – xám và 01 cái ví da, màu nâu, mặt ngoài in chữ ARMANI là tài sản hợp pháp của bị hại Bùi Văn S, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S, là phù hợp với quy định của pháp luật.

01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu bạc D dùng tiền cầm cố xe mô tô biển số 93C1-079.60 để mua, nhưng do các bị cáo D phải bồi thường nên cần tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu bạc của bị cáo D để đảm bảo cho việc thi hành án.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[12] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử, tuyên bố:

Bị cáo Phạm Quốc D về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Tấn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc so với hành vi các bị cáo thực hiện nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Phạm Quốc D phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Bị cáo Nguyễn Tấn Đ (Chó Đ) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Quốc D 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Quốc D 09 (Chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Phạm Quốc D phải chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ (Chó Đ) 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2021.

3. Bồi thường dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Quốc D phải trả cho anh Đoàn Nguyễn T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải trả cho anh Đoàn Nguyễn T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Buộc bị cáo Phạm Quốc D hoàn trả cho anh Nguyễn Xuân H số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus của bị cáo Phạm Quốc D để đảm bảo cho việc thi hành án.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Quốc D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H
- Bộ phận HSNV CA H;
- Các bị cáo;
- Bị hại, người liên quan
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Hải